

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2025/LĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Hùng
2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh N- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1804/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2785/2025/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Anh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc H và bà Dương Thị T1. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2024 lập tại Văn phòng C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH I.

Trụ sở: Phòng 5.09, Tòa nhà S, Số A P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Victor Ching B.

Địa chỉ: E H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vũ Ngọc H và bà Dương Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty TNHH I vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Anh T có ông Vũ Ngọc H và bà Dương Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Vũ Thị Anh T làm việc tại Công ty TNHH I (Công ty) từ tháng 06/2019 nhưng đến tháng 8/2019 Công ty mới ký hợp đồng lao động số 00470/HĐLD-SM-CN ngày 25/8/2019 với bà T, thời hạn hợp đồng từ ngày 25/8/2019 đến ngày 24/8/2020. Sau khi hết hạn hợp đồng lao động, công ty không giao kết hợp đồng nào khác. Công việc của bà T là Thợ may; mức lương đóng BHXH trước khi nghỉ việc 6.237.000 đồng/tháng.

Ngày 14/3/2023, bà T và Công ty T2 chấm dứt hợp đồng lao động và Công ty ra quyết định thôi việc số 00470/QĐTV cho bà T nghỉ việc từ ngày 14/3/2023. Quá trình làm việc tại công ty, hàng tháng công ty đều trừ lương của bà T để tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định gồm bảo hiểm xã hội, tiền bảo hiểm thất nghiệp, tiền bảo hiểm y tế. Sau khi bà T nghỉ việc, bà T liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội thì được biết Công ty TNHH I chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 và chưa xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (17 tháng), cụ thể: Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 với mức lương 5.157.000 đồng, Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 với mức lương 5.405.000 đồng, tháng 07/2022 đến tháng 08/2022 với mức lương 5.993.000 đồng, tháng 09/2022 đến tháng 02/2023 với mức lương 6.267.000 đồng; và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày và tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH I giao nộp. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng Công ty TNHH I vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, có quyết

định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, xét xử đúng thời gian, địa điểm, đúng thành phần, thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Anh T.

Án phí lao động sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Bà Vũ Thị Anh T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Thư từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (17 tháng) theo quy định và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M của Công ty TNHH I, đăng ký lần đầu ngày 26/5/2015 đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 02/7/2024 thì Công ty TNHH I có trụ sở chính tại số P Lầu E, Tòa nhà S, số A đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chưa đăng ký giải thể, căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Thị T1, ông Vũ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Công ty TNHH I đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Bị đơn Công ty TNHH I đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bị đơn Công ty TNHH I đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó,

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.1] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét nhận thấy:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Vũ Thị Anh T làm việc tại Công ty TNHH I từ tháng 06/2019, nhưng đến ngày 25/8/2019 mới ký Hợp đồng lao động 00470/HĐLD-SM-CN. Ngày 14/3/2023, giữa bà Vũ Thị Anh T và Công ty TNHH I thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao và Công ty TNHH I ban hành quyết định thôi việc số 00470/QĐNV cho bà Vũ Thị Anh T.

Căn cứ Công văn số 47/BHXXH ngày 25/2/2025 của Bảo hiểm xã hội huyện H, tỉnh Bình Thuận thể hiện: Công ty TNHH I có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7525523562 cho bà Vũ Thị Anh T, theo đó Công ty TNHH I đã đóng bảo hiểm xã hội và xác nhận quá trình đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Thư từ tháng 09/2021 đến tháng 09/2021; Bảo hiểm y tế cho bà Thư từ tháng 09/2021 đến tháng 02/2023, đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 09/2021 đến hết tháng 02/2023; và không đóng bảo hiểm xã hội cho bà Thư từ tháng 09/2021 đến tháng 02/2023. Từ đó, có cơ sở xác định giữa bà Vũ Thị Anh T và Công ty I có ký kết hợp đồng lao động thỏa thuận về mức lương, mức đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Bộ luật lao động năm 2019, Luật bảo hiểm xã hội 2014. Việc Công ty I không đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Vũ Thị Anh T làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội. Do đó, nguyên đơn bà Vũ Thị Anh T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH I phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Vũ Thị Anh T theo quy định của pháp luật trên mức lương trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (17 tháng), cụ thể: Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 với mức lương 5.157.000 đồng, Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 với mức lương 5.405.000 đồng, tháng 07/2022 đến tháng 08/2022 với mức lương 5.993.000 đồng, tháng 09/2022 đến tháng 02/2023 với mức lương 6.267.000 đồng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do tranh chấp về tiền bảo hiểm nên bà Vũ Thị Anh T không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 188, khoản 1 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89, Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Anh T.

Buộc Công ty TNHH I có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Vũ Thị Anh T tại cơ quan bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ pháp luật bảo hiểm quy định trên mức lương theo từng giai đoạn và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, từ tháng tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 (17 tháng), cụ thể: Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 với mức lương 5.157.000 đồng, Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 với mức lương 5.405.000 đồng, tháng 07/2022 đến tháng 08/2022 với mức lương 5.993.000 đồng, tháng 09/2022 đến tháng 02/2023 với mức lương 6.267.000 đồng.

Công ty TNHH I có trách nhiệm đóng tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội với lãi suất theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Công ty TNHH I chưa nộp tiền án phí. Bà Vũ Thị Anh T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Phan Thị Ngọc Phú

